



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG
PHUONGDONG PETROLEUM TOURISM JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: 218 Lê Duẩn, Tp. Vinh, Nghệ An

ĐT: 038.3845527

Fax: 038.3593479

Website: www.phuongdongpv.com.vn

Email: ptc@phuongdongpv.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

Niêm yết tại : Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Mã chứng khoán : PDC



I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : **Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông**
- Tên tiếng Anh : **Phuongdong Petroleum Tourism Joint Stock Company**
- Tên viết tắt : **PTC**
- Giấy chứng nhận ĐKDN số: **2900781381**
- Vốn điều lệ : **150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng)**
- Địa chỉ : **Số 218 Lê Duẩn, Phường Trường Thi, Tp.Vinh, Nghệ An**
- Điện thoại : **038. 3845527**
- Fax : **038. 3593479**
- Website : **www.phuongdongpv.com.vn**
- Mã cổ phiếu : **PDC**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước có tên Khách sạn Phương Hoàng, được thành lập theo quyết định số 2057 QĐ/UB ngày 26/12/1994 của UBND tỉnh Nghệ An.
- Theo Quyết định số 2044/QĐ-UB ngày 18/06/1996 của UBND tỉnh Nghệ An, Khách sạn Phương Hoàng chính thức được đổi tên thành Công ty Khách sạn Du lịch Phương Đông.
- Ngày 04/02/2007, Công ty Khách sạn Du lịch Phương Đông đổi tên thành Công ty Du lịch Dầu khí Phương Đông do chuyển về làm đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Ngày 01/02/2008, Công ty chính thức chuyển sang loại hình Công ty Cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông.
- Ngày 29/9/2009 Công ty chính thức niêm yết 15 triệu cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là PDC.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:


3.1. Các ngành nghề kinh doanh chính gồm:

- Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;
- Đại lý, mua bán phân bón;...

3.2. Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Nghệ An.

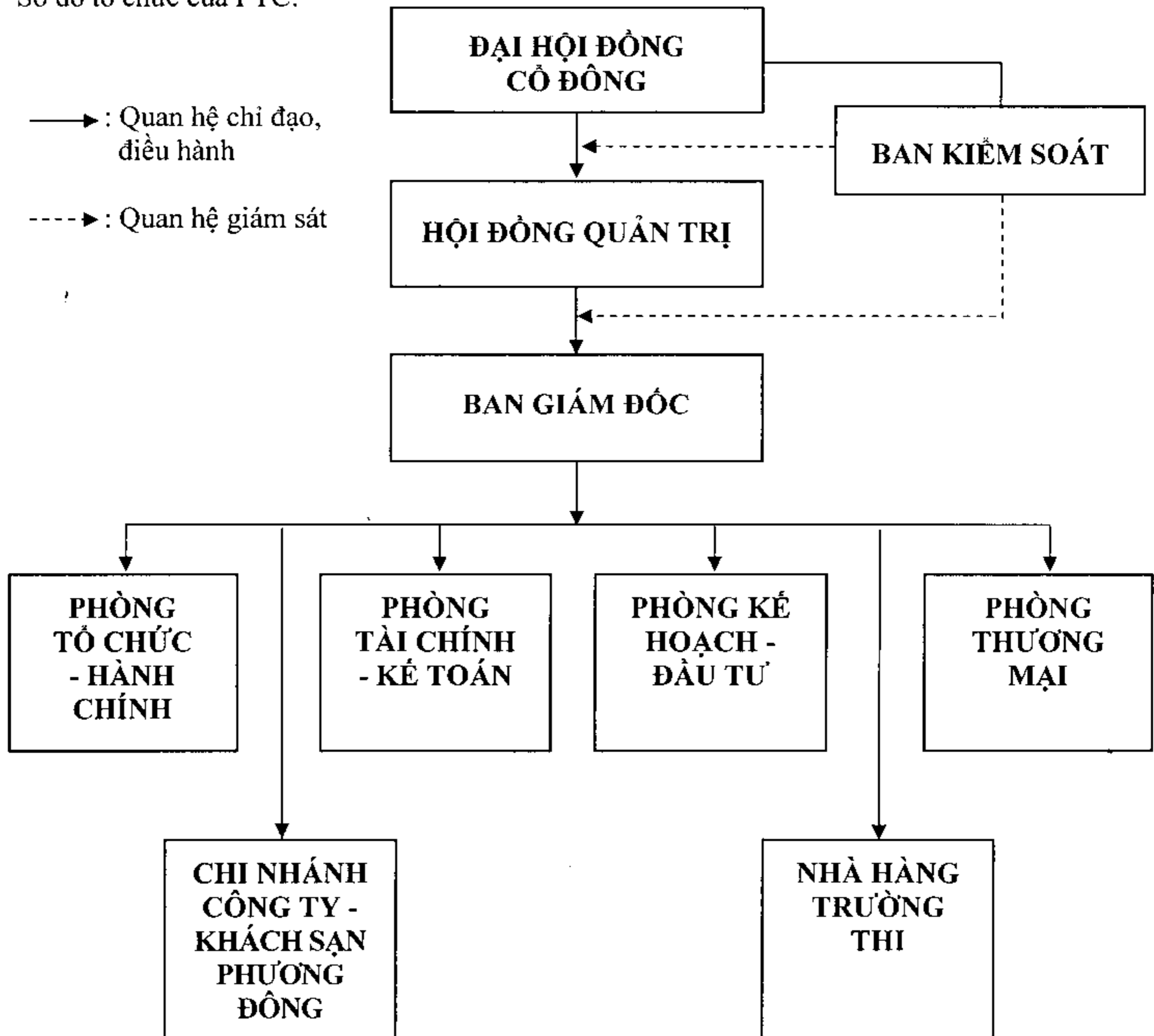
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị:

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty Cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành. 



Sơ đồ tổ chức của PTC:



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

- *Đại hội đồng cổ đông*: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty PTC.
- *Hội đồng quản trị*: Là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
- *Ban Kiểm soát*: Thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- *Ban Giám đốc*: Ban Giám đốc của Công ty bao gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc phân công hoặc ủy quyền các Phó Giám đốc thực hiện một số nội dung hoặc phạm vi công việc thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình.



b) Các Phòng chuyên môn văn phòng Công ty:

- *Phòng Tổ chức Hành chính:* có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty trong việc quản lý, điều hành công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực; tiền lương và chế độ chính sách đối với người lao động; công tác thi đua khen thưởng, công tác hành chính tổng hợp; công tác quản trị văn phòng; công tác pháp chế; vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, ...
- *Phòng Tài chính Kế toán:* có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc về công tác quản lý tài chính doanh nghiệp, bảo toàn và phát triển vốn; tổng hợp, phân tích đánh giá hiệu quả SXKD và sử dụng vốn theo định kỳ và yêu cầu của Giám đốc; kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài chính kế toán, mở và ghi chép sổ sách chứng từ và các nghiệp vụ kế toán, ...
- *Phòng Kế hoạch Đầu tư:* có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty trong công tác xây dựng và triển khai kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn; định hướng chiến lược phát triển Công ty... công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ giai đoạn đầu chuẩn bị đầu tư đến khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, quyết toán vốn đầu tư và duy tu sửa chữa trong quá trình khai thác sử dụng công trình, ...
- *Phòng Thương mại:* có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty trong công tác xây dựng, triển khai các hoạt động kinh doanh thương mại, ...

c) Các Đơn vị trực thuộc:

- *Chi nhánh Khách sạn Phương Đông:*

Địa chỉ: Số 02 Trường Thi, Tp.Vinh, Nghệ An

Điện thoại: (84-38) 3 562 299

Fax: (84-38) 3 562 562

Chức năng nhiệm vụ chính: Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng; Dịch vụ cho thuê văn phòng; mua bán các loại hàng hoá phục vụ khách du lịch; Kinh doanh vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ du lịch; kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế; Vận chuyển khách du lịch, khách theo hợp đồng băng xe ô tô.

- *Nhà hàng Trường Thi:*

Địa chỉ: Số 02 Trường Thi, Tp.Vinh, Nghệ An

Điện thoại: (84-38) 3 849 022

Chức năng, nhiệm vụ chính: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

a) Công ty con: Không.

b) Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Liên

Địa chỉ: Số 25 Đường Quang Trung, Tp.Vinh, Nghệ An

Điện thoại: (84-38) 3 838 899

Fax: (84-38) 3 838 899

Website: www.saigonkimlien.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, biệt thự; Dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế, vận chuyển khách du lịch, đưa đón khách thuê trọn gói; Mua bán hàng thực phẩm, đồ uống; Kinh doanh các dịch vụ phụ trợ hoạt động khách sạn, khu nghỉ dưỡng biển; Trung tâm thương mại; Dịch vụ bán vé máy bay; Cho thuê văn phòng....

Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Liên là Công ty thành viên của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn (Saigontourist). Số cổ phần PTC nắm giữ tại Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Liên là



12.172.667.000 đồng (tương đương 16,45% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Liên).

5. Định hướng phát triển (Các mục tiêu chủ yếu, chiến lược phát triển, mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng):

- Duy trì tốc độ phát triển ổn định trong đó lấy dịch vụ kinh doanh Khách sạn - Nhà hàng - Du lịch làm cơ sở phát triển bền vững, định hướng xây dựng trở thành đơn vị mạnh, có uy tín, thương hiệu và là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực Khách sạn - Nhà hàng - Du lịch tại khu vực Bắc trung bộ.
- Định hướng phát triển kinh doanh thương mại thận trọng, bền vững.
- Phân đầu duy trì tốc độ phát triển về doanh thu, lợi nhuận. Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động trong Công ty.

6. Các rủi ro:

Nền kinh tế Việt Nam trong các năm gần đây chịu sự ảnh hưởng từ những biến động kinh tế thế giới. Các yếu tố khách quan như giá, giá nguyên vật liệu, năng lượng... có thể làm cho nền kinh tế tăng trưởng chậm, do đó tất yếu sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Lạm phát, chi phí đầu vào gia tăng kéo theo việc tăng vốn lưu động có thể làm giảm khả năng sinh lời của Công ty. Sự thay đổi trong các nhân tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất ngân hàng, ... cũng có thể sẽ ảnh hưởng đến biến động giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Với tốc độ phát triển cao của ngành du lịch, trong thời gian qua, sự cạnh tranh giữa các đơn vị du lịch (nhất là trong lĩnh vực khách sạn, lữ hành) đang diễn ra ngày càng gay gắt, quyết liệt. Để thu hút được khách hàng, mở rộng thị trường, ngoài việc tích cực đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, Công ty cần phải tập trung nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ. Với tình hình kinh tế suy giảm thì tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp sẽ ngày càng trở nên khốc liệt hơn; các chi phí liên quan tới sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, nhân công,... luôn biến động khiến cho việc quản lý các chi phí để đảm bảo chỉ tiêu đề ra sẽ gặp nhiều khó khăn.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014:

1. Tình hình hoạt động SXKD:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2014	TH năm 2014	% TH/KH năm
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Doanh thu	Tỷ đồng	144,646	85,646	59,2%
2	Chi phí	Tỷ đồng	139,548	82,600	59,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,098	3,046	59,7%
4	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	7,330	6,070	82,8%
5	Đầu tư, mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	58,765	40,201	68,4%

2. Tổ chức nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

Ông Trần Đình Phúc	: Giám đốc công ty
Số CMND	: 012119103 cấp ngày 27/08/2012 tại Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	: 25/02/1976
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Khối 9 - P. Bến Thủy - TP. Vinh - Nghệ An
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ tại Công ty	: 600 cổ phần.
Ông Thái Hồng Nhã	: Phó Giám đốc công ty
Số CMND	: 182259756 cấp ngày 01/4/1997 tại Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	: 10/6/1976
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Khối 4, P.Trường Thi, Tp.Vinh, Nghệ An
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Xây dựng
Số cổ phần nắm giữ tại Công ty	: 0 cổ phần.
Bà Trương Thị Thu Huyền	: Phó Giám đốc công ty
Số CMND	: 186346075 cấp ngày 26/8/2003 tại Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	: 15/11/1976
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: CC Tân Phúc, P.Vinh Tân, Tp.Vinh, N.An
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Du lịch
Số cổ phần nắm giữ tại Công ty	: 600 cổ phần.



Bà Lê Thị Hồng Gấm : **Phó phụ trách Phòng Tài chính Kế toán**
Số CMND : 182449854 cấp ngày 16/6/2007 tại Nghệ An
Ngày tháng năm sinh : 12/12/1973
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Khối 16, P. Hà Huy Tập, Tp.Vinh, Nghệ An
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại Công ty : 1000 cổ phần.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2014:

Trong năm 2014 Ban điều hành Công ty không có sự thay đổi.

2.3. Số lượng CBCNV công ty:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
1. Trên Đại học	Người	0
2. Đại học	Người	64
3. Cao đẳng	Người	13
4. Trung cấp hoặc tương đương	Người	65
5. Công nhân Kỹ thuật hoặc tương đương	Người	69
6. Lao động phổ thông	Người	14
Tổng cộng:	Người	225

Công ty luôn quan niệm nguồn nhân lực là đòn bẩy cho sự thành bại của Công ty và là tài sản lớn nhất của doanh nghiệp. Mục tiêu của Công ty là xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và nhiệt tình phục vụ khách hàng. Các nhân viên PTC được khuyến khích đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ chuyên môn, phù hợp với chức năng công việc, nhằm thực hiện tốt các dịch vụ của Công ty.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước. Chính sách tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp của Công ty được xây dựng trên cơ sở tính chất công việc thực tế và các quy định của pháp luật. PTC đã xây dựng tiêu chuẩn chức danh nhằm chuẩn hóa những kiến thức, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học cho mỗi bậc lương chức danh, nhằm xác định trả lương đúng người, đúng việc, tạo điều kiện và mạnh dạn giao cho lực lượng lao động trẻ có năng lực, có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ đảm nhận những công việc khó khăn phức tạp và được hưởng mức lương tương xứng. Hệ thống lương chức danh của PTC được sửa đổi, bổ sung hàng năm nhằm tiếp cận dần và tiến tới có tính cạnh tranh trên thị trường lao động trong tỉnh và khu vực.

PTC có chế độ trả thưởng đi đôi với chế độ trả lương. Ngoài các khoản thưởng theo luật định, còn có chế độ khuyến khích khen thưởng kịp thời những tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Công ty còn khuyến khích các hoạt động giao lưu theo nhóm ngoài giờ làm việc, trong nội bộ các Đơn vị hoặc giữa các Phòng/Đơn vị với nhau để tạo điều kiện thiết lập và tăng cường những mối quan hệ đồng nghiệp, hỗ trợ và hợp tác cùng nhau làm việc vì lợi ích chung và sự phát triển bền vững của Công ty.



3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

Trong năm 2014, Công ty chú trọng tập trung đầu tư các dự án cấp thiết để phục vụ sản xuất kinh doanh, tổng giá trị thực hiện các dự án thực hiện 40,201 tỷ đồng /58,765 tỷ đồng kế hoạch năm cụ thể như sau:

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị cho Khách sạn Phương Đông : 1,739 tỷ đồng;
- Đầu tư mua sắm chung cho toàn công ty : 0,954 tỷ đồng;
- Đầu tư xây dựng công trình trung tâm hội nghị 800 chỗ Phương Đông : 37,509 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	173.570.065.835	196.765.064.888	13,36%
Doanh thu thuần	90.397.766.315	85.647.467.039	-5,25%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.789.926.357	2.828.992.234	-51,14%
Lợi nhuận khác	1.272.300.835	217.199.854	-82,93%
Lợi nhuận trước thuế	7.062.227.192	3.046.192.088	-56,87%
Lợi nhuận sau thuế	7.062.227.192	3.046.192.088	-56,87%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	75,37%	84,20%
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	69,64%	78,74%
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	23,30%	31,00%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	30,32%	44,43%
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	23	15
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	52,08%	43,53%
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,81%	3,56%



Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,30%	2,24%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,07%	1,55%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,41%	3,56%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần của Công ty đang lưu hành là 15 triệu cổ phần và tất cả đều là cổ phần chuyên nhượng tự do.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước		
	Trong đó:		
	- Tổ chức:	10.539.417	70,26
	- Cá nhân:	4.453.383	29,69
2	Cổ đông nước ngoài		
	Trong đó:		
	- Tổ chức:	0	0
	- Cá nhân:	7.200	0,05
Tổng cộng:		15.000.000	100

(Thông tin được cập nhật tại ngày 24/02/2014 - ngày chốt DS cổ đông tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2014)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2014 Công ty không thực hiện việc tăng Vốn điều lệ.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện Công ty không có cổ phiếu quỹ và trong năm 2014 cũng không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

Trong năm 2014 Công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác.



III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2014:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2014	TH năm 2014	% TH/KH năm
A	B	C	1	2	3=2/1
I	Doanh thu	Tỷ đồng	144,646	85,646	59,2%
1	Dịch vụ K/sạn Nhà hàng	Tỷ đồng	64,767	51,231	79,1%
	Trong đó:	Tỷ đồng			
	- KS Phương Đông	Tỷ đồng	57,266	44,377	77,5%
	- NH Trường Thi	Tỷ đồng	7,500	6,854	91,4%
2	Dịch vụ lữ hành	Tỷ đồng	4,495	3,744	83,3%
3	Dịch vụ thương mại	Tỷ đồng	43,589	29,030	66,6%
4	Lĩnh vực KD khác	Tỷ đồng	31,796	1,641	5,2%
II	Chi phí	Tỷ đồng	139,548	82,600	59,2%
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,098	3,046	59,7%
IV	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	7,330	6,070	82,8%
V	Đầu tư, mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	58,765	40,201	68,4%

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Qua việc phân tích số liệu tài chính thể hiện như trên cho thấy, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014 đã giảm đáng kể so với năm 2013. Cụ thể:

Về doanh thu thuần: năm 2014 đạt được 85.647.467.039 đồng, giảm 5,25% so với năm 2013 (doanh thu thuần năm 2013 là 90.397.766.315 đồng).

Lợi nhuận sau thuế toàn Công ty năm 2014 là 3.046.192.088 đồng, giảm 56,87% so với Lợi nhuận sau thuế toàn Công ty năm 2013 (Lợi nhuận sau thuế toàn Công ty năm 2013 là 7.062.227.192), lợi nhuận năm 2013 tăng cao là do Công ty được ghi nhận một khoản thu nhập cả gần 5 tỷ bao gồm các khoản từ việc bán tài sản tại Kontum và xe ô tô, và hoàn lại phí biển hiệu đã trích của năm 2012.

Tổng tài sản năm 2014 của Công ty là 196.765.064.888 đồng, tăng 13,36% so với năm 2013 (tổng tài sản năm 2013 của Công ty là 173.570.065.835 đồng). Việc tổng tài sản của năm 2014 tăng là do 2014 công ty đã xây thêm Trung tâm hội nghị quốc tế phương đông. Bên cạnh đó, cuối năm 2014 Công ty có thanh toán trước tiền mua hàng đạm do hàng chưa về nên cũng làm tăng phần trả trước người bán.

2.2. Tình hình tài chính khác của Công ty:

Từ các chỉ tiêu tài chính được thể hiện ta thấy cơ cấu vốn của Công ty năm vừa qua có biến động đáng kể, từ 23,30% trong năm 2013 tăng lên 31,00% trong năm 2014. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty tăng từ 75,37% trong năm 2013 tăng lên 84,20% trong năm 2014, và khả năng thanh toán nhanh của Công ty từ 69,64% trong năm 2013 tăng lên 78,74% trong năm 2014.

Qua các số liệu vừa nêu trên, ta nhận thấy có những tín hiệu khả quan trong cơ cấu nguồn tài chính của Công ty. Việc Công ty đã giảm tiếp được các khoản vay nợ trước đây (như là một



phần nợ gốc khoản vay đến hạn trả cho Tổng Công ty CP Tài chính Dầu khí PVFC nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng PVCombank bằng chính kết quả hoạt động kinh doanh của mình (mà không phát sinh thêm bất kỳ khoản vay nào khác từ các tổ chức tín dụng) đã thể hiện được hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua, mặc dù kết quả về doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 có giảm hơn so với năm 2013 nhưng Công ty đã biết sử dụng hiệu quả khoản tiền nhận rồi trong ngắn hạn của mình để tạo thêm nguồn thu; bên cạnh đó, việc quản lý chặt chẽ, bám sát và đốc thúc kịp thời các khoản công nợ của Công ty trong năm 2014. Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động và hiệu quả kinh doanh của Công ty năm 2014 cũng tăng hơn so với năm trước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Nhận thức rõ tầm quan trọng của cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý đối với quá trình hoạt động và phát triển của Công ty vì vậy Công ty rất chú trọng đến khâu cải tiến nếu có bất cập. Tuy nhiên, trong năm 2014 Công ty không có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, tiếp tục bám sát và nâng cao hiệu quả từ mô hình cơ cấu tổ chức được điều chỉnh từ năm 2012.

4. Kế hoạch phát triển của năm 2015:

4.1. Nhiệm vụ trọng tâm:

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thực hiện tiết kiệm chi phí, đảm bảo hoàn thành tốt chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015.
- Nâng cao hiệu quả bộ máy quản lý, xây dựng chiến lược sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng từng giai đoạn phát triển của Công ty.
- Tiếp tục duy trì và ổn định các loại hình kinh doanh hiện có của Công ty, nhất là lĩnh vực Du lịch - Khách sạn. Xem xét lại thị trường thương mại, lữ hành để kinh doanh đạt được hiệu quả hơn.
- Sớm hoàn tất các thủ tục để triển khai dự án cải tạo Khách sạn Phương Đông và khởi công dự án tại khu đất 167 Nguyễn Phong Sắc, Tp Vinh, Nghệ An.

4.2. Giải pháp thực hiện:

a) Giải pháp về tổ chức, quản lý, nhân sự:

- Tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo của bộ máy quản lý đối với các đơn vị, phòng ban trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2015.
- Đảm bảo các chính sách đối với người lao động, đẩy mạnh hoạt động đoàn thể, giúp người lao động sinh hoạt có tổ chức, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn, giúp người lao động yên tâm công tác.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho yêu cầu và mục tiêu phát triển Công ty trong năm 2015 và các năm tiếp theo.

b) Các giải pháp về kinh doanh:

- Xây dựng kế hoạch nghiên cứu thị trường, chiến lược marketing, quảng cáo cụ thể trong từng giai đoạn đối với lĩnh vực khách sạn, lữ hành. Đẩy mạnh việc tìm kiếm thị trường và nguồn khách hàng mới.
- Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ; linh hoạt giá cả trong từng thời điểm, xây dựng khung giá riêng cho từng đối tượng. Xây dựng các chương trình khuyến mãi, chú trọng đến việc xây dựng các gói sản phẩm phù hợp cho nhu cầu của nhiều đối tượng, đưa thêm món ăn mới, thay đổi phong cách setup, trang trí để tạo điểm nhấn và hấp dẫn khách hàng.
- Tăng cường xây dựng mối quan hệ các đại lý du lịch, các cơ quan nước ngoài đại diện tại Việt Nam. Tập trung khai thác khách từ các công cụ bán phòng trực tuyến. Thường xuyên quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng truyền thống, có chế độ ưu đãi, hậu mãi đối với khách hàng mới.



- Thiết lập lại mối quan hệ với các đơn vị tại Lào và Thái Lan để đón các đoàn khách Inboud vào Việt Nam qua các cửa khẩu miền trung; Khảo sát, xây dựng chương trình và tìm kiếm các đối tác nước ngoài để tổ chức trực tiếp các Tour đi trong khu vực và Châu Á: Trung Quốc; Malaysia; Singapore.
- Tăng thêm thị phần hàng hóa khác ngoài Đạm Phú Mỹ để đảm bảo đa dạng mặt hàng và nguồn hàng cho các đại lý cấp dưới. Thường xuyên quan tâm công tác chăm sóc khách hàng nhằm giải quyết mối quan hệ hài hòa giữa công ty với các đại lý phân phối trong hoạt động thương mại.

c) Giải pháp về tài chính:

- Tiếp tục giám sát chặt chẽ và thật linh động trong việc áp dụng các định mức tiêu hao, tỷ lệ lãi gộp trong kinh doanh nhà hàng, khách sạn.
- Thường xuyên phân tích đánh giá đúng tình hình thị trường, biến động giá cả để từ đó đưa ra các phương án, giải pháp xử lý tài chính một cách linh hoạt, hiệu quả và kịp thời.
- Có phương án sắp xếp nguồn vốn hợp lý đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và thực hiện dự án.

d) Giải pháp về Đầu tư:

- Triển khai sớm Dự án nâng cấp cải tạo một số hạng mục tại Khách sạn Phương Đông như Sảnh chính, Nhà hàng, phòng Vip...
- Sớm hoàn tất các thủ tục để triển khai dự án tại khu đất 167 Nguyễn Phong Sắc, Tp Vinh, Nghệ An.

e) Các giải pháp khác:

- Duy trì phát huy công tác đoàn kết toàn nội bộ, xây dựng văn hóa Công ty, coi đây là yếu tố hàng đầu quyết định thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2015.
- Xây dựng các chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích phù hợp và tạo động lực làm việc cho người lao động trong Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện các Quy trình quản lý nội bộ sát với thực tế và quy mô của Công ty và tạo thuận cho hoạt động thường ngày.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2014:

Liên quan đến những nội dung lưu ý của kiểm toán tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty giải trình như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn lưu động của Công ty bị thiếu hụt với số công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 9.560.917.009 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 9.946.038.187 VND), lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 36.699.841.411 VND (đến ngày 31 tháng 12 năm 2013: 39.746.033.499 VND). Ban Giám đốc Công ty đã lên phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản vay nợ, đồng thời xin gia hạn nợ khoản vay để Công ty có đủ thời gian thu xếp trả nợ.

Từ năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), theo đó, Công ty được sử dụng nhãn hiệu “PETROVIETNAM và hình” với mức phí phải trả hàng năm là 6% lợi nhuận trước thuế của năm tài chính trước liền kề của bên nhận nhưng không thấp hơn 1 tỷ đồng. Theo Công văn số 9596/DKVN-PC ngày 30 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”) đã miễn phí sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam năm 2010 và 6 tháng 2011 với số tiền là 1,5 tỷ VND. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không thực hiện trích trước khoản phí sử dụng nhãn hiệu phải trả



PVN cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến 31 tháng 12 năm 2014 với tổng số tiền 3.5 tỷ VND do Công ty đang trong quá trình đàm phán với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để xin miễn khoản phí trên từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

Khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tương ứng là 17.341.643.231 VND và 27.097.000.000 VND. Hiện tại, Công ty đã nhận được quyết định phân chia tài sản từ Tòa án Nhân dân Tỉnh Kon Tum về số tài sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH ngày 13 tháng 12 năm 2011 với số tiền thu hồi là 78.356.769 VND, và quyết định tuyên bố phá sản ngày 11 tháng 1 năm 2012 của Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu khó đòi của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH với số tiền 44.438.643.132 VND. Hiện nay Công ty chưa có quyết định xử lý đối với khoản công nợ này.



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2014 Hội đồng quản trị đã trực tiếp chỉ đạo, giám sát Giám đốc và bộ máy điều hành trong công tác SXKD, quản lý nguồn vốn, tăng cường tiết giảm chi phí, hoàn thiện hơn nữa hệ thống các quy định quản lý nội bộ, tiếp tục duy trì chất lượng dịch vụ.

Trong năm 2014, HĐQT đã tiến hành tổng cộng 10 phiên họp chính thức/lần lấy ý kiến các Thành viên HĐQT. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được Đại hội đồng cổ đông giao phó, phù hợp với luật pháp và Điều lệ Công ty, HĐQT đã ban hành tổng cộng 11 Nghị quyết/Quyết định. Tổng hợp số lần họp/lấy ý kiến của HĐQT trong năm 2014 như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự/lần cho ý kiến	Tỷ lệ	Lý do
1	Nguyễn Thị Mai Hương	Chủ tịch HĐQT	10/10	100%	
2	Nguyễn Thương Huyền	TV HĐQT	10/10	100%	
3	Phó Thiên Sơn	TV HĐQT	10/10	100%	
4	Trần Đình Phúc	TV HĐQT	10/10	100%	
5	Trần Hoài Đức	TV HĐQT	10/10	100%	
6	Trần Hải Nam	TV HĐQT	08/10	80%	Công tác

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc:

Năm 2014, hoạt động của Công ty tiếp tục gặp phải những khó khăn nhất định. Ngoài những lý do khách quan, Công ty đang phải tập trung nguồn lực để thanh toán một phần nợ vay và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt. Trên phương diện quản lý, chỉ đạo, HĐQT đã tích cực hỗ trợ, chỉ đạo Ban Giám đốc và bộ máy điều hành trong việc tổ chức, triển khai các hoạt động SXKD; quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đúng quy trình quy định hiện hành; thu xếp nguồn vốn đầu tư, nguồn vốn kinh doanh; tổ chức sắp xếp bộ máy, đảm bảo chế độ, chính sách đối với người lao động đúng quy định.

Với chức năng kiểm tra, giám sát, HĐQT đánh giá Ban Giám đốc và bộ máy điều hành đã cố gắng khắc phục khó khăn, điều hành hoạt động kinh doanh năm 2014 ổn định.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2015:

Trên cơ sở kết quả thực hiện công tác năm 2014, HĐQT định hướng các hoạt động trọng tâm trong năm 2015 như sau:

3.1. Chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2015, tăng năng suất, giữ vững và nâng cao chất lượng dịch vụ.

3.2. Chỉ đạo đẩy mạnh công tác quản lý, tăng doanh thu, lợi nhuận đối với các mảng SXKD chính và có ưu thế như khách sạn, nhà hàng; đồng thời tập trung mở rộng thị trường, phát triển kinh doanh đối với mảng Lữ hành. Đánh giá lại công tác kinh doanh thương mại để có chiến lược phát triển phù hợp và hiệu quả.

3.3. Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc công ty áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả SXKD, bảo đảm chỉ tiêu lợi nhuận và hạn chế tối đa các rủi ro.



- 3.4. Định kỳ đánh giá hệ thống các Quy định/Quy chế quản lý nội bộ, hệ thống chỉ tiêu định mức kinh tế - kỹ thuật đang áp dụng để xem xét điều chỉnh, sửa đổi bổ sung phù hợp hơn với tình hình thực tế.
- 3.5. Triển khai thực hiện/giám sát thực hiện các dự án đã phê duyệt, đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công dự án.
- 3.6. Hỗ trợ và chỉ đạo công tác huy động, thu xếp đủ nguồn vốn cho SXKD và các dự án đầu tư xây dựng. Giám sát, chỉ đạo việc quản lý, sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo toàn và phát triển vốn.
- 3.7. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Khách sạn Phương Đông và triển khai dự án tại khu đất 167 Nguyễn Phong Sắc, Tp.Vinh, Nghệ An.
- 3.8. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quan tâm hơn nữa đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty. Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của tổ chức Đảng, Đoàn thể trong Công ty.
- 3.9. Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội cổ đông và của HĐQT cũng như thực hiện đầy đủ, hiệu quả những nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. *W*



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

Bà **Nguyễn Thị Mai Hương** - Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm, không điều hành)

Sinh ngày : 29/7/1970

Thường trú : Số nhà 8, T9, TT361, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngân hàng/Thạc sỹ Ngân hàng

Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần

Bà **Nguyễn Thương Huyền** - Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm, không điều hành)

Sinh ngày : 16/10/1981

Thường trú : Số nhà 23, Ngõ 54 phố Linh Lang, Ba Đình, Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế/Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần

Ông **Phó Thiên Sơn** - Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm, không điều hành)

Sinh ngày : 18/11/1984

Thường trú : Phòng 1208, Nhà 17 T3, Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế/Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần

Ông **Trần Đình Phúc** - Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm, điều hành)

Sinh ngày : 25/02/1976

Thường trú : Phường Bến Thủy, Tp.Vinh, Nghệ An

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần sở hữu : 600 Cổ phần

Ông **Trần Hoài Đức** - Thành viên HĐQT (độc lập, kiêm nhiệm, không điều hành)

Sinh ngày : 25/10/1979

Thường trú : Tân Trường, Cẩm Giàng, Hải Dương

Trình độ chuyên môn : Cử nhân quan hệ Quốc tế, Thạc sỹ QTKD

Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần

Ông **Trần Hải Nam** - Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm, không điều hành)

Sinh ngày : 29/08/1970

Thường trú : 29 Đường 9, Tam Đa, Long Trường, Quận 9, Tp.Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông không thành lập các



Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Do các Thành viên HĐQT đều là Thành viên kiêm nhiệm nên song song với hình thức họp tập trung, HĐQT chủ yếu tiến hành lấy phiếu ý kiến đối với các vấn đề cần thông qua để ban hành các Nghị quyết/Quyết định. Trong năm 2014, HĐQT đã tiến hành tổng cộng 10 phiên họp chính thức/lần lấy ý kiến các Thành viên HĐQT. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được Đại hội đồng cổ đông giao phó, phù hợp với luật pháp và Điều lệ Công ty, HĐQT đã ban hành tổng cộng 11 Nghị quyết/Quyết định.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hiện Hội đồng quản trị đã phân công một thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phụ trách riêng về công tác lương thưởng, nhân sự.

1.5. Hoạt động của các Tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Hiện Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông không thành lập các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị nên các hoạt động đều do Hội đồng quản trị thực hiện. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Thư ký Công ty.

1.6. Các Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Hiện có 5/6 thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán cấp.

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Bà Lê Thị Thu Hương - Trưởng BKS (chuyên trách)

Sinh ngày : 05/11/1966

Thường trú : Phường Hưng Dũng, Tp.Vinh, Nghệ An

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần sở hữu : 1900 Cổ phần

Bà Lê Khánh Linh - Thành viên BKS (kiêm nhiệm)

Sinh ngày : 19/01/1981

Thường trú : SN 42, TT UBND huyện Từ Liêm, Trần Cung, Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Thành viên BKS (kiêm nhiệm)

Sinh ngày : 02/4/1977

Thường trú : Khối 13, Phường Cửa Nam, Tp.Vinh, Nghệ An

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngoại ngữ

Số cổ phần sở hữu : 600 Cổ phần

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2014 Ban kiểm soát đã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Ban gồm:

- Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT; các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.



- Kiểm tra báo cáo Tài chính hàng quý, 6 tháng, năm trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra, giám sát đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD các đơn vị trực thuộc theo định kỳ định kỳ quý, 6 tháng, năm, kiểm tra công tác quản lý công nợ phải thu, trên cơ sở kết quả kiểm tra có các kiến nghị biện pháp cải tiến điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tham gia và có ý kiến với nội dung các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.
- Thảo luận cùng với Kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo 6 tháng, năm. Giám sát Ban điều hành trong việc thực thi những kiến nghị của kiểm toán đưa ra.
- Giám sát HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc quản lý, điều hành Công ty.
- Thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ khác của Ban kiểm soát được pháp luật, Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông quy định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích trong năm 2014:

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích	Ghi chú
Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Thị Mai Hương	Chủ tịch HĐQT	36.000.000 đồng	kiêm nhiệm
2	Nguyễn Thương Huyền	TV HĐQT	18.000.000 đồng	kiêm nhiệm
3	Phó Thiên Sơn	TV HĐQT	18.000.000 đồng	kiêm nhiệm
4	Trần Đình Phúc	TV HĐQT	18.000.000 đồng	kiêm nhiệm
5	Trần Hoài Đức	TV HĐQT	18.000.000 đồng	kiêm nhiệm
6	Trần Hải Nam	TV HĐQT	18.000.000 đồng	kiêm nhiệm
Ban kiểm soát				
1	Lê Thị Thu Hương	Trưởng BKS	152.510.704 đồng	chuyên trách
2	Lê Khánh Linh	Thành viên BKS	12.000.000 đồng	kiêm nhiệm
3	Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên BKS	12.000.000 đồng	kiêm nhiệm
Ban Giám đốc				
1	Trần Đình Phúc	Giám đốc	259.790.509 đồng	
2	Thái Hồng Nhã	Phó Giám đốc	192.621.664 đồng	
3	Trương Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc	249.649.992 đồng	

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Năm 2014 Công ty không nhận được thông báo nào liên quan đến việc giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan.

3.3. Hợp đồng và giao dịch với cổ đông nội bộ:

Năm 2014 Công ty không phát sinh hợp đồng và giao dịch liên quan với cổ đông nội bộ.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Thực hiện theo quy định của Pháp luật.



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014:

1. Trích ý kiến của Kiểm toán:

Trích ý kiến của đơn vị kiểm toán tại BCTC năm 2014:

Số: 650/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2015, từ trang 04 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày,



phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Thay vì đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính các vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 9.560.917.009 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 9.946.038.187 VND), lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 36.699.841.411 VND (đến ngày 31 tháng 12 năm 2013: 39.746.033.499 VND). Các kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
- Từ năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), theo đó, Công ty được sử dụng nhãn hiệu “PETROVIETNAM và hình” với mức phí phải trả hàng năm là 6% lợi nhuận trước thuế của năm tài chính trước liền kề của bên nhận nhưng không thấp hơn 1 tỷ VND. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình thanh lý hợp đồng với PVN. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 7 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH có số tiền tương ứng là 17.341.643.231 VND và 27.097.000.000 VND, đồng thời đã trích lập 100% dự phòng công nợ phải thu khó đòi với số tiền 44.438.643.231 VND. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty vẫn chưa quyết định xử lý các khoản công nợ nêu trên.

(Đã ký)

Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 3 năm 2015 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1472-2013-001-1



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Chi tiết được đính kèm.

(Toàn văn Báo cáo tài chính 2014 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông được đăng tại website: www.phuongdongpv.com.vn).

Tp. Vinh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ
PHƯƠNG ĐÔNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thương Huyền	Thành viên
Ông Trần Đình Phúc	Thành viên
Ông Phó Thiên Sơn	Thành viên
Ông Trần Hoài Đức	Thành viên
Ông Trần Hải Nam	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Phúc	Giám đốc
Ông Thái Hồng Nhã	Phó Giám đốc
Bà Trương Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC


Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DU LỊCH DẦU KHÍ
PHƯƠNG ĐÔNG
TP. VINH - NGHỆ AN



Trần Đình Phúc
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

Số: 650 /VNA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2015, từ trang 04 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

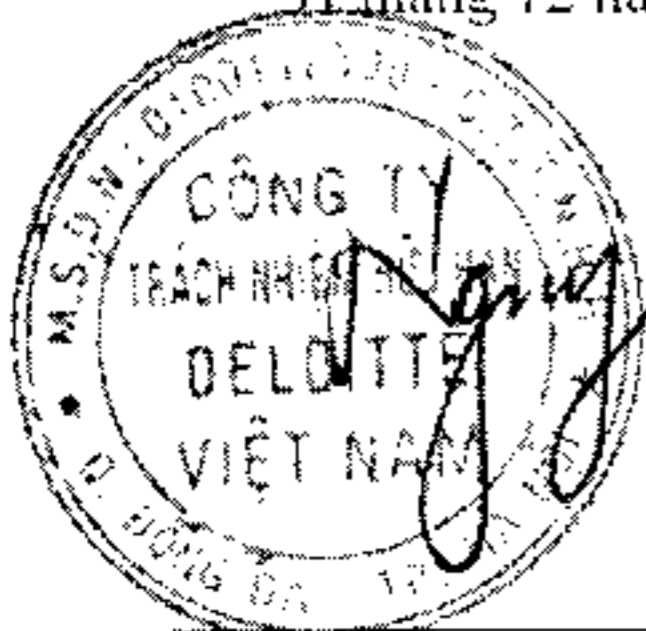
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Thay vì đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính các vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 9.560.917.009 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 9.946.038.187 VND), lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 36.699.841.411 VND (đến ngày 31 tháng 12 năm 2013: 39.746.033.499 VND). Các kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
- Từ năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), theo đó, Công ty được sử dụng nhãn hiệu "PETROVIETNAM và hình" với mức phí phải trả hàng năm là 6% lợi nhuận trước thuế của năm tài chính trước liền kề của bên nhận nhưng không thấp hơn 1 tỷ VND. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình thanh lý hợp đồng với PVN. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 7 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH có số tiền tương ứng là 17.341.643.231 VND và 27.097.000.000 VND, đồng thời đã trích lập 100% dự phòng công nợ phải thu khó đòi với số tiền 44.438.643.231 VND. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty vẫn chưa quyết định xử lý các khoản công nợ nêu trên.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1472-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		50.967.583.776	30.433.655.633
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	13.173.303.451	20.870.392.018
1. Tiền	111		4.870.552.451	4.870.392.018
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.302.751.000	16.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.838.337.376	4.294.557.656
1. Phải thu khách hàng	131	6	20.467.725.549	20.559.895.224
2. Trả trước cho người bán	132	7	56.083.901.258	28.750.096.219
3. Các khoản phải thu khác	135		659.593.505	523.422.609
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(45.372.882.936)	(45.538.856.396)
III. Hàng tồn kho	140	8	3.305.868.638	2.313.117.338
1. Hàng tồn kho	141		3.305.868.638	2.313.117.338
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.650.074.311	2.955.588.621
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		778.799.107	1.490.289.735
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		661.090.116	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.210.185.088	1.465.298.886
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		145.797.481.112	143.136.410.202
I. Tài sản cố định	220		127.519.594.148	122.398.247.365
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	116.960.145.795	121.574.729.418
- Nguyên giá	222		169.850.405.433	169.086.019.946
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.890.259.638)	(47.511.290.528)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		442.380.500	442.380.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(442.380.500)	(442.380.500)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	10.559.448.353	823.517.947
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12.172.670.000	12.172.670.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	12.172.670.000	12.172.670.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.105.216.964	8.565.492.837
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	5.605.216.964	8.315.492.837
2. Tài sản dài hạn khác	268		500.000.000	250.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		196.765.064.888	173.570.065.835




Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

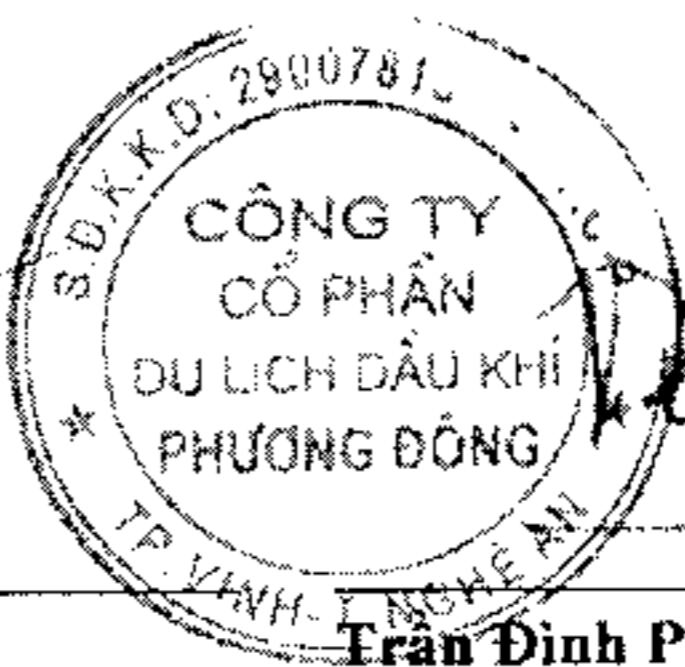
MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		60.528.500.785	40.379.693.820
I. Nợ ngắn hạn	310		60.528.500.785	40.379.693.820
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	28.000.000.000	30.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		3.218.571.918	2.626.017.099
3. Người mua trả tiền trước	313		24.590.820.541	2.581.868.328
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	490.132.616	541.573.318
5. Phải trả người lao động	315		2.451.790.259	2.122.798.214
6. Chi phí phải trả	316		139.209.629	488.892.305
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.709.365.210	2.116.458.944
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(71.389.388)	(97.914.388)
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		136.236.564.103	133.190.372.015
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	136.236.564.103	133.190.372.015
1. Vốn điều lệ	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.819.811.566	22.819.811.566
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		116.593.948	116.593.948
4. (Lỗ) lũy kế	420		(36.699.841.411)	(39.746.033.499)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		196.765.064.888	173.570.065.835

Kim Thị Liên Quý
Người lập biểu

Lê Thị Hồng Gấm
Phó phụ trách
Phòng Tài chính Kế toán


Trần Đình Phúc
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	87.122.269.159	92.494.097.120
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	1.474.802.120	2.096.330.805
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	85.647.467.039	90.397.766.315
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	72.412.675.396	75.051.349.144
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.234.791.643	15.346.417.171
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.368.406.350	1.970.706.853
7. Chi phí tài chính	22	21	685.056.378	875.171.611
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		684.250.000	874.250.000
8. Chi phí bán hàng	24		1.998.408.514	1.604.386.489
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.090.740.867	9.047.639.567
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		2.828.992.234	5.789.926.357
11. Thu nhập khác	31	23	648.801.550	2.844.674.629
12. Chi phí khác	32	24	431.601.696	1.572.373.794
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		217.199.854	1.272.300.835
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.046.192.088	7.062.227.192
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.046.192.088	7.062.227.192
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	203	471



Kim Thị Liên Quý
Người lập biểu



Lê Thị Hồng Gấm
Phó phụ trách
Phòng Tài chính Kế toán



Trần Đình Phúc
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	3.046.192.088	7.062.227.192
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.378.969.110	7.583.277.580
Các khoản dự phòng	03	(165.973.460)	(8.688.626)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.378.195.623)	(1.325.517.963)
Chi phí lãi vay	06	684.250.000	874.250.000
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	7.565.242.115	14.185.548.183
Thay đổi các khoản phải thu	09	(13.015.451.008)	3.227.332.450
Thay đổi hàng tồn kho	10	(992.751.300)	(366.181.432)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	22.122.406.965	(5.578.521.486)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản dài hạn khác	12	3.171.766.501	1.197.375.561
Tiền lãi vay đã trả	13	(684.375.000)	(863.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	26.525.000	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	18.193.363.273	11.802.553.276
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25.268.647.463)	(3.203.415.392)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	9.789.273	990.772.727
3. Thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	27	1.368.406.350	1.970.706.853
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(23.890.451.840)	(241.935.812)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.000.000.000)	(10.420.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(2.000.000.000)	(10.420.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	(7.697.088.567)	1.140.617.464
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	20.870.392.018	19.729.774.554
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	13.173.303.451	20.870.392.018

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm bao gồm 16.130.672.170 VND (năm 2013 là 1.362.340.600 VND), là số tiền đã ứng trước cho nhà cung cấp để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Kim Thị Liên Quý
Người lập biểu

Lê Thị Hồng Gấm
Phó phụ trách
Phòng Tài chính Kế toán

Trần Đình Phúc
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHAI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001789 ngày 01 tháng 02 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong năm 2009 với mã cổ phiếu là PDC.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 26 tháng 4 năm 2013, ngành nghề hoạt động của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thương xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ ngành du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn phân bón);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Bán vé máy bay và các phương tiện vận chuyển công cộng);
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các hàng hóa chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Chi tiết: Đại lý thu đổi ngoại tệ);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 227 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 249 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 9.560.917.009 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 9.946.038.187 VND), lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 36.699.841.411 VND (đến ngày 31 tháng 12 năm 2013: 39.746.033.499 VND), trong đó Công ty tồn tại khoản nợ dài hạn đến hạn trả 28 tỷ VND cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam).

Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ. Ban Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 sẽ khả quan hơn và mang lại nguồn lợi nhuận hợp lý để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty. Do đó, theo đánh giá của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

	2014
	Số năm (*)
Nhà cửa, vật kiến trúc	2,4 - 50
Máy móc, thiết bị	13 - 50
Phương tiện vận tải	10 - 50
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8
Tài sản khác	4 - 8

(*) Một số tài sản được bàn giao lại tại thời điểm cổ phần hóa (ngày 31 tháng 01 năm 2008) được trích khấu hao theo giá trị còn lại và số năm sử dụng hữu ích còn lại.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn được lập theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Công ty không trích trước trợ cấp thôi việc cho nhân viên mà thực hiện ghi nhận chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi chi trả thực tế cho nhân viên thôi việc.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Năm 2014 là năm cuối cùng công ty được chuyển lỗ để khấu trừ với lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	702.155.353	452.565.023
Tiền gửi ngân hàng	4.168.397.098	4.417.826.995
Các khoản tương đương tiền (i)	8.302.751.000	16.000.000.000
	<u>13.173.303.451</u>	<u>20.870.392.018</u>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vinh và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH	17.341.643.231	17.341.643.231
Các khách hàng của Khách sạn Phương Đông	1.691.093.821	2.369.681.463
Các khách hàng khác	1.434.988.497	848.570.530
	<u>20.467.725.549</u>	<u>20.559.895.224</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH	27.097.000.000	27.097.000.000
Các đơn vị khác	28.986.901.258	1.653.096.219
	<u>56.083.901.258</u>	<u>28.750.096.219</u>

Trả trước cho Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH được thực hiện theo Hợp đồng số 07/HĐKT ngày 14 tháng 3 năm 2008 và Hợp đồng số 33/HĐKT ngày 13 tháng 6 năm 2008 về việc mua bán sản lát khô đựng bao được sử dụng để sản xuất nhiên liệu sinh học. Theo đó, Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH có trách nhiệm thu gom và giao khoảng 30.000 tấn sản lát khô cho Công ty trong thời gian quy định trên các hợp đồng.

Theo biên bản làm việc ngày 30 tháng 8 năm 2009, Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH không có khả năng giao đủ số hàng đã cam kết, còn thiếu 15.000 tấn sản lát khô chưa giao cho Công ty khi đến hạn.

Ngày 18 tháng 01 năm 2010, Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum đã ra Quyết định số 01/2010/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH và đã gửi Thông báo số 01/PS-TBTA ngày 25 tháng 01 năm 2010 tới Công ty với tư cách là chủ nợ thương mại theo quy định của Luật Phá sản. Công ty đã làm đơn khiếu nại đề nghị tòa xem xét lại quy trình phá sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH vì cho rằng Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH chưa đủ điều kiện để phá sản, nhưng không được tòa thụ lý. Khả năng thu hồi các khoản phải thu Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH (trình bày tại Thuyết minh số 6) và trả trước cho Công ty này như trình bày ở trên là không chắc chắn. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa quyết định xử lý khoản công nợ nêu trên. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã trích lập 100% dự phòng cho các khoản công nợ phải thu khó đòi này với số tiền 44.438.643.231 VND.

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	704.762.181	819.246.540
Công cụ, dụng cụ	2.235.535.298	477.584.566
Hàng hóa	365.571.159	1.016.286.232
Cộng	<u>3.305.868.638</u>	<u>2.313.117.338</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	137.816.082.064	26.343.261.307	3.915.178.216	95.872.554	915.625.805	169.086.019.946
Mua sắm mới	174.619.483	589.766.004	-	-	-	764.385.487
Tại ngày 31/12/2014	137.990.701.547	26.933.027.311	3.915.178.216	95.872.554	915.625.805	169.850.405.433
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	31.282.534.003	13.544.560.835	2.187.756.281	65.124.574	431.314.835	47.511.290.528
Trích khấu hao	3.044.184.310	1.782.580.654	441.810.602	11.149.394	99.244.150	5.378.969.110
Tại ngày 31/12/2014	34.326.718.313	15.327.141.489	2.629.566.883	76.273.968	530.558.985	52.890.259.638
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	103.663.983.234	11.605.885.822	1.285.611.333	19.598.586	385.066.820	116.960.145.795
Tại ngày 31/12/2013	106.533.548.061	12.798.700.472	1.727.421.935	30.747.980	484.310.970	121.574.729.418

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 5.449.329.218 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 5.853.007.998 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	442.380.500
Thanh lý	-
Tại ngày 31/12/2014	<u>442.380.500</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	442.380.500
Khấu hao trong năm	-
Tại ngày 31/12/2014	<u>442.380.500</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	<u>-</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>31/12/2013</u> VND
Khách sạn Cửa Đông	343.060.364	344.009.637
Phòng họp 800 chỗ	9.892.612.905	155.733.226
Cải tạo sảnh khách sạn Phương Đông	323.775.084	323.775.084
	<u>10.559.448.353</u>	<u>823.517.947</u>

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Sài Gòn - Kim Liên với tỷ lệ tương ứng là 16,5% vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị khoản đầu tư dài hạn này không bị suy giảm nên không phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>2014</u> VND	<u>2013</u> VND
Số dư đầu năm	8.315.492.837	480.120.501
Tăng trong năm	1.408.256.427	10.135.875.346
Phân bổ vào chi phí trong năm	(4.118.532.300)	(2.300.503.010)
Số dư cuối năm	<u>5.605.216.964</u>	<u>8.315.492.837</u>

Khoản chi phí trả trước dài hạn chủ yếu phản ánh giá trị trang thiết bị, nội thất liên quan đến việc nâng cấp Khách sạn Phương Đông và giá trị công cụ, dụng cụ được sử dụng cho bộ phận bếp, buồng và nhà hàng của khách sạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (i)	28.000.000.000	30.000.000.000
	28.000.000.000	30.000.000.000

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) là khoản vay dài hạn đã quá hạn trả theo Hợp đồng tín dụng số 53/PV-PTC/PVF08 ngày 27 tháng 11 năm 2008 với hạn mức vay là 50 tỷ VND, ngày đáo hạn là 27 tháng 11 năm 2011. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, chịu lãi suất 1,5%/năm và được sử dụng để tài trợ cho dự án nâng cấp khách sạn Phương Đông từ 3 sao lên 4 sao. Dự án này đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 4 năm 2009. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa ký được phụ lục hợp đồng với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam để gia hạn hợp đồng vay. Hiện tại, Công ty đang chịu mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay thông thường, tương ứng với 2,25%/năm.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	360.004.631	360.566.318
Thuế tiêu thụ đặc biệt	129.688.119	181.007.000
Thuế thu nhập cá nhân	273.868	-
Tiền thuê đất	165.998	-
	490.132.616	541.573.318

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	(Lỗ) lũy kế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(46.808.260.691)	126.128.144.823
Lãi trong năm	-	-	-	7.062.227.192	7.062.227.192
Tại ngày 01/01/2014	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(39.746.033.499)	133.190.372.015
Lãi trong năm	-	-	-	3.046.192.088	3.046.192.088
Tại ngày 31/12/2014	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(36.699.841.411)	136.236.564.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các cổ đông của Công ty bao gồm:

	<u>Số lượng</u> <u>Cổ phiếu</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u> <u>%</u>	<u>Giá trị</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	7.428.756	49,53%	74.287.560.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	1.630.600	10,87%	16.306.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn	1.470.000	9,8%	14.700.000.000
Cổ đông đại chúng	4.470.644	29,8%	44.706.440.000
	<u>15.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>150.000.000.000</u>

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành 4 bộ phận với chức năng chính như sau:

- Khách sạn Phương Đông: Kinh doanh dịch vụ lưu trú và dịch vụ liên quan
- Nhà hàng Trường Thi: Kinh doanh dịch vụ ăn, uống
- Trung tâm Lễ hành: Kinh doanh dịch vụ du lịch
- Phòng Thương mại: Kinh doanh phân bón

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	<u>Khách sạn</u> <u>Phương Đông</u> <u>VND</u>	<u>Nhà hàng</u> <u>Trường Thi</u> <u>VND</u>	<u>Trung tâm</u> <u>Lễ hành</u> <u>VND</u>	<u>Phòng</u> <u>Thương mại</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>VND</u>
Tài sản					
Tài sản bộ phận	143.349.439.306	2.338.177.069	894.474.089	13.116.462.503	159.698.552.967
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	37.066.511.921
Tổng tài sản hợp nhất	143.349.439.306	2.338.177.069	894.474.089	13.116.462.503	196.765.064.888
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	32.084.992.609	475.039.407	19.678.157	20.180.000	32.599.890.173
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	27.928.610.612
Tổng nợ phải trả hợp nhất	32.084.992.609	475.039.407	19.678.157	20.180.000	60.528.500.785

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNGSố 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)****Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

	Khách sạn Phương Đông VND	Nhà hàng Trường Thi VND	Trung tâm Lữ hành VND	Phòng Thương mại VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	132.409.517.831	1.212.288.703	1.751.270.532	929.521.102	136.302.598.168
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	37.267.467.667
Tổng tài sản hợp nhất	132.409.517.831	1.212.288.703	1.751.270.532	929.521.102	173.570.065.835
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	2.780.791.095	421.313.894	380.149.388	90.576.989	3.672.831.366
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	36.706.862.454
Tổng nợ phải trả hợp nhất	2.780.791.095	421.313.894	380.149.388	90.576.989	40.379.693.820

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Khách sạn Phương Đông VND	Nhà hàng Trường Thi VND	Trung tâm Lữ hành VND	Phòng Thương mại VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	46.018.215.897	6.854.726.274	3.744.322.817	29.030.202.051	85.647.467.039
Giá vốn bộ phận	33.886.715.717	6.496.101.833	3.226.070.165	28.803.787.681	72.412.675.396
Lợi nhuận gộp	12.131.500.180	358.624.441	518.252.652	226.414.370	13.234.791.643
Chi phí bán hàng	1.658.088.466	45.760.486	40.602.318	253.957.244	1.998.408.514
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.924.639.525	167.280.610	(1.179.268)	-	9.090.740.867
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.548.772.189	145.583.345	478.829.602	(27.542.874)	2.145.642.262
Doanh thu hoạt động tài chính					1.368.406.350
Chi phí tài chính					685.056.378
Lợi nhuận khác					217.199.854
Lợi nhuận trước thuế					3.046.192.088

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Khách sạn Phương Đông VND	Nhà hàng Trường Thi VND	Trung tâm Lữ hành VND	Phòng Thương mại VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	50.731.912.809	6.836.915.208	5.392.750.557	27.436.187.741	90.397.766.315
Giá vốn bộ phận	36.384.005.781	6.366.749.861	5.364.867.489	26.935.726.013	75.051.349.144
Lợi nhuận gộp	14.347.907.028	470.165.347	27.883.068	500.461.728	15.346.417.171
Chi phí bán hàng	1.204.630.587	49.321.112	57.405.069	293.029.721	1.604.386.489
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.892.895.999	154.743.568	-	-	9.047.639.567
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.250.380.442	266.100.667	(29.522.001)	207.432.007	4.694.391.115
Doanh thu hoạt động tài chính					1.970.706.853
Chi phí tài chính					875.171.611
Lợi nhuận khác					1.272.300.835
Lợi nhuận trước thuế					7.062.227.192

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU

	2014	2013
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch	58.092.067.108	65.057.909.379
Kinh doanh phân bón	29.030.202.051	27.436.187.741
	87.122.269.159	92.494.097.120
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.474.802.120	2.096.330.805
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	85.647.467.039	90.397.766.315

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	VND	VND
Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch	43.608.887.715	48.115.623.131
Kinh doanh phân bón	28.803.787.681	26.935.726.013
	72.412.675.396	75.051.349.144

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	994.137.226	1.345.366.539
Cổ tức, lợi nhuận được chia	372.604.000	621.206.255
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.342.378	4.134.059
Khác	322.746	-
	1.368.406.350	1.970.706.853

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	684.250.000	874.250.000
Chi phí tài chính khác	806.378	921.611
	685.056.378	875.171.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.400.002.873	18.395.691.088
Chi phí nhân công	15.154.250.343	15.299.167.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.378.969.110	7.583.277.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.608.639.875	6.051.452.506
Chi phí bằng tiền khác	12.959.962.576	7.634.152.227
	83.501.824.777	54.963.740.686

23. THU NHẬP KHÁC

	2014	2013
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	9.789.273	990.772.727
Các khoản thu nhập khác	639.012.277	1.853.901.902
	648.801.550	2.844.674.629

24. CHI PHÍ KHÁC

	2014	2013
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	11.192.000	1.283.718.105
Bồi thường, bị phạt và chi phí khác	420.409.696	288.655.689
	431.601.696	1.572.373.794

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	3.046.192.088	7.062.227.192
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Lỗi các năm trước chuyển sang	(40.947.400.855)	(48.628.935.044)
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	735.018.965	-
Thu nhập chịu thuế	(37.166.189.802)	(41.566.707.852)
Thuế suất hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014	2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.046.192.088	7.062.227.192
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	203	471

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Theo Hợp đồng thuê đất số 151/HĐ-TĐ ngày 14 tháng 10 năm 2009 với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Công ty thuê 9.715,5 m² đất tại số 2 đường Trường Thi, thành phố Vinh với thời hạn thuê là 50 năm kể từ tháng 9 năm 1996. Đơn giá thuê đất bình quân là 33.848 VND/m²/năm. Tiền thuê đất được thanh toán hàng năm.

Theo Hợp đồng thuê đất số 237/HĐ-TĐ ngày 31 tháng 12 năm 2009 với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Công ty thuê 1.125,2 m² đất tại số 167 đường Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh với thời hạn thuê là 40 năm kể từ tháng 12 năm 2009. Đơn giá thuê đất bình quân là khoảng 37.200 VND/m²/năm. Tiền thuê đất được thanh toán hàng năm.

Theo Hợp đồng thuê đất số 158/HĐ-TĐ ngày 25 tháng 10 năm 2013 với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Công ty thuê 3.198 m² đất tại phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng vào mục đích xây dựng Trung tâm hội nghị 800 chỗ, văn phòng làm việc và thương mại Phương Đông. Thời hạn thuê đến hết ngày 26 tháng 9 năm 2063, đơn giá thuê đất thực hiện theo Quyết định số 400/QĐ.ĐC ngày 16 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh Nghệ An. Tiền thuê được thanh toán hàng năm.

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT ĐẦU TƯ

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 66/NQ-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương hợp tác kinh doanh dự án Khách sạn Cửa Đông tại địa chỉ số 167 Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đối tác của Công ty là Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương (ORC). Công ty góp vốn bằng quyền phát triển dự án, được định giá dựa trên lợi thế thương mại của dự án (bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và các chi phí đã bỏ ra) với giá trị dự kiến khoảng 10.000.000.000 VND. ORC góp bằng tiền bao gồm toàn bộ chi phí thủ tục, thiết kế, xây dựng dự án. Số tiền này sẽ được xác định sau khi dự án hoàn thành và theo chi phí thực tế (không quá 17.500.000.000 VND). Tổng diện tích của khu đất dự án là 1.125,2 m².

Tại ngày 13 tháng 4 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương chuyển hướng hợp tác kinh doanh dự án Khách sạn Cửa Đông tại địa chỉ số 167 Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo đó, đối tác của Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OGC).

Tại ngày 10 tháng 5 năm 2013, Công ty đã ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư "Dự án khách sạn Cửa Đông tại 167 Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An" số 313/PTC-OGC/HTĐT-2013 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương. Hai bên sẽ hợp tác xây dựng khách sạn Cửa Đông với tổng chi phí ước tính 21,637 tỷ VND trên khu đất thuê của Nhà nước có thời hạn đến ngày 01 tháng 12 năm 2049 với tổng diện tích 1.125,2 m². Công ty góp vốn bằng toàn bộ quyền, quyền lợi và lợi ích chủ đầu tư phát sinh từ Dự án tại lô đất 167 Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, được định giá dựa trên lợi thế thương mại của dự án và các chi phí mà Công ty đã bỏ ra trong quá trình triển khai dự án tính đến thời điểm hợp tác. Hai bên thống nhất định giá phần tài sản góp vốn nêu trên là 10 tỷ VND. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương góp vốn bằng tiền, tài sản và hình thức khác bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình xây dựng, thực hiện dự án. Hai bên thống nhất xác định phần tài sản góp vốn trên khoảng 21,637 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

- Tại ngày 07 tháng 01 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Hội nghị 800 chỗ, Văn phòng làm việc và thương mại Phương Đông tại 218 Lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An. Tổng mức đầu tư dự kiến của dự án là 35.068.800.000 VND. Tổng diện tích xây dựng dự kiến 4.160 m² cho 2 tầng. Tầng 1 kinh doanh văn phòng và tầng 2 kinh doanh dịch vụ hội trường, phòng ăn. Tại ngày 31 tháng 5 năm 2013, Công ty đã ký kết Hợp đồng số 20/2013/HĐTT/PTC-OGC với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương về việc lập dự án, chuẩn bị đầu tư, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình thuộc dự án Trung tâm hội nghị 800 chỗ, văn phòng làm việc và thương mại Phương Đông tại 218 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 31.631.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương 12.721.007.600 VND.

Tại ngày 13 tháng 4 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương cho phép ký hợp đồng đặt cọc mua, bán bất động sản tại dự án Trung tâm hội nghị 800 chỗ, văn phòng làm việc và thương mại Phương Đông tại 218 Lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An. Theo đó, Công ty bán toàn bộ mặt bằng tầng 1 phần Trung tâm hội nghị trong quy hoạch ngoại trừ phần tiền sảnh và sảnh lên tầng 2 của Trung tâm hội nghị cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương. Diện tích mua tối thiểu là 1.575m². Hai bên thống nhất giá mua bán diện tích nêu trên là 33.963.000.000 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Tại ngày 21 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT về việc phê duyệt tổng dự toán Trung tâm hội nghị 800 chỗ, văn phòng làm việc và thương mại Phương Đông tại 218 Lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An. Theo đó, Công ty phê duyệt tổng dự toán dự án Trung tâm hội nghị 800 chỗ, văn phòng làm việc và thương mại Phương Đông (giai đoạn I) tại 218 Lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An là 33.302.230.666 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và (lỗ) lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	28.000.000.000	30.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	13.173.303.451	20.870.392.018
Nợ thuần	14.826.696.549	9.129.607.982
Vốn chủ sở hữu	136.236.564.103	133.190.372.015
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,11	0,07

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.173.303.451	20.870.392.018
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.851.436.118	2.641.461.437
Đầu tư dài hạn	12.172.670.000	12.172.670.000
Tài sản tài chính khác	500.000.000	250.000.000
Tổng cộng	28.697.409.569	35.934.523.455
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	28.000.000.000	30.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	4.927.937.128	4.742.476.043
Chi phí phải trả	139.209.629	488.892.305
Tổng cộng	33.067.146.757	35.231.368.348

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong năm, Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, tuy nhiên, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá do các giao dịch này là không trọng yếu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khách hàng và ứng trước cho người bán. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của các khoản phải thu, trả trước cho người bán và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích lập được trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 7.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1-5 năm VND</u>	<u>Tổng VND</u>
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.173.303.451	-	13.173.303.451
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.851.436.118	-	2.851.436.118
Đầu tư dài hạn	-	12.172.670.000	12.172.670.000
Tài sản tài chính khác	-	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng	16.024.739.569	12.672.670.000	28.697.409.569
Tại ngày 31/12/2014			
Các khoản vay	28.000.000.000	-	28.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	4.927.937.128	-	4.927.937.128
Chi phí phải trả	139.209.629	-	139.209.629
Tổng cộng	33.067.146.757	-	33.067.146.757
Chênh lệch thanh khoản thuần	(17.042.407.188)	12.672.670.000	(4.369.737.188)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.870.392.018	-	20.870.392.018
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.641.461.437	-	2.641.461.437
Đầu tư dài hạn	-	12.172.670.000	12.172.670.000
Tài sản tài chính khác	-	250.000.000	250.000.000
Tổng cộng	23.511.853.455	12.422.670.000	35.934.523.455
Tại ngày 31/12/2013			
Các khoản vay	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	4.742.476.043	-	4.742.476.043
Chi phí phải trả	488.892.305	-	488.892.305
Tổng cộng	35.231.368.348	-	35.231.368.348
Chênh lệch thanh khoản thuần	(11.719.514.893)	12.422.670.000	703.155.107

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao. Như đã trình bày ở Thuyết minh số 6 và 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tương ứng là 17.341.643.231 VND và 27.097.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi với số tiền 44.438.643.231 VND.

Bên cạnh đó, như đã trình bày ở Thuyết minh số 14, khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) (PVCombank) là khoản vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng tín dụng số 53/PV-PTC/PVF08 ngày 27 tháng 11 năm 2008 với hạn mức vay là 50 tỷ VND, ngày đáo hạn là ngày 27 tháng 11 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa ký được phụ lục hợp đồng với PVCombank để gia hạn hợp đồng vay. Số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 28.000.000.000 VND. Đồng thời, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số nợ ngắn hạn của Công ty đang vượt quá tài sản ngắn hạn là 9.560.917.009 VND. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã lên phương án tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã nhận được thư hỗ trợ từ Cổ đông chính nắm giữ và đại diện quản lý 60,39% Vốn điều lệ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 sẽ khả quan hơn và mang lại nguồn lợi nhuận hợp lý để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty trong năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (“OCH”)	Chủ sở hữu
Ngân hàng Thương mại và Cổ phần Đại Dương (“OGC”)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	Chủ sở hữu OCH
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Cùng chủ sở hữu với OCH

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Cung cấp dịch vụ trong năm		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	615.764.931	596.415.171
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	9.955.454	19.823.643
Lãi tiền gửi		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	788.771.210	1.009.423.735

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương		
Tiền gửi thanh toán	1.114.185.374	1.781.070.816
Tiền gửi có kỳ hạn	5.802.751.000	13.500.000.000
Các khoản phải thu về cung cấp dịch vụ		
Ứng trước cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	12.721.007.600	1.362.340.600

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	997.454.530	757.102.711

31. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Từ năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), theo đó, Công ty được sử dụng nhãn hiệu “PETROVIETNAM và hình” với mức phí phải trả hàng năm là 6% lợi nhuận trước thuế của năm tài chính trước liền kề của bên nhận nhưng không thấp hơn 1 tỷ VND.

Khoản phí sử dụng nhãn hiệu và hình phải trả PVN cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 với tổng số tiền 3,5 tỷ VND chưa được Công ty hạch toán do đang trong quá trình thanh lý hợp đồng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để xin miễn khoản phí nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



Kim Thị Liên Quý
Người lập biểu



Lê Thị Hồng Gấm
Phó phụ trách
Phòng Tài chính Kế toán



Trần Đình Phúc
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2015